KT3-2278ADI9

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

08/08/2019

1. Tên mẫu / *Name of sample* : **ĐÈN PHA**
2. Số lượng mẫu / *Quantity* : 01
3. Mô tả mẫu / *Description of sample* : Đèn pha LED/ *LED Floodlight*; Ghi nhãn/ *Marking*: Potech, PT-SPL-150 (xem hình trang / *see photograph in page of* 2/23)
4. Ngày nhận mẫu / *Date of receiving* : 03/07/2019
5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration* : 04/07/2019 - 07/08/2019
6. Nơi gửi mẫu / *Customer* : **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG POTECH 350/33/10/9B Quốc lộ 1, KP 4, P. An Phú Đông, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh**
7. Phương pháp thử / *Test method* : TCVN 7722-2-5 : 2007 (IEC 62598-2-5: 1998) Đèn điện – Phần 2: Yêu cầu cụ thể – Mục 5: Đèn pha
8. Kết quả thử nghiệm / *Test result* : Xem trang 3/23 - 23/23 / *See pages*

P. TRƯỞNG PTN ĐIỆN
FOR HEAD OF ELECTRICAL TESTING LAB.

Nguyễn Mừng

TL. GIÁM ĐỐC / *PP. DIRECTOR*
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

Nguyễn Tấn Tùng

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. N/A: không áp dụng. / *Not applicable.*
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
5. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam — Tel: (84-28) 3829 4274 — Fax: (84-28) 3829 3012 — Website: www.quatest3.com.vn
Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam — Tel: (84-251) 383 6212 — Fax: (84-251) 383 6298 — E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn
C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam — Tel: (84-28) 3742 3160 — Fax: (84-28) 3742 3174 — E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn

Scanned with CamScanner

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

Scanned with CamScanner

TCVN 7722-2-5 : 2007 (IEC 60598-2-5: 1998)			
Điều *Clause*	**Yêu cầu - Thử nghiệm** ***Requirements - Tests***	**Kết quả - Ghi chú** ***Result - Remarks***	**Nhận xét** *Verdict*
5.4	**Phân loại đèn điện** ***Classification of luminaries***	Áp dụng mục 2 của IEC 60598-1 *Section 2 of IEC 60598-1 apply*	Đạt *Pass*
(2.1)	Yêu cầu chung *General*	Mô tả việc phân loại đèn điện *Desciption of the classification of luminaires*	-
(2.2)	Phân loại theo cấp bảo vệ chống điện giật *Classification according to type of protection against electric shock*	Cấp I *Class*	Đạt *Pass*
(2.3)	Phân loại theo cấp bảo vệ chống sự xâm nhập của bụi, vật rắn và hơi ẩm *Classification according to degree of protection against ingress of dust, solid objects and moisture*	IP66	Đạt *Pass*
(2.4)	Phân loại theo vật liệu của bề mặt đỡ mà đèn điện được thiết kế *Classification according to material of supporting surfaces for which the luminaire is designed*	Thích hợp để lắp đặt trực tiếp lên bề mặt bắt lửa thông thường *Suitable for direct mounting on normally flammable surfaces*	Đạt *Pass*
(2.5)	Phân loại theo trường hợp sử dụng *Classification according to circumstance of use*	Sử dụng bình thường *For normal use*	Đạt *Pass*
5.5	**Ghi nhãn** ***Marking***	Áp dụng mục 3 của IEC 60598-1 *Section 3 of IEC 60598-1 apply*	Không đạt *Fail*
	Các nội dung bổ sung cụ thể dưới đây được ghi nhãn trên đèn pha hoặc sẵn có để cung cấp cho người sử dụng *The following additional particulars marked on the floodlight or otherwise made available to the purchaser*	Thiếu một số nội dung *Lack of some information*	Không đạt *Fail*
a)	Tư thế làm việc, nếu không phải loại vạn năng *Operating position, if not universal*	Không có *No*	Không đạt *Fail*
b)	Khối lượng và kích thước tổng thể *Weight and overall dimensions of the floodlight*	7,3 Kg; 345×310×160 mm	Đạt *Pass*
c)	Vùng nhô ra lớn nhất của đèn pha *Maximum projected area of the floodlight*	Không có *No*	Không đạt *Fail*

Scanned with CamScanner

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

(12.4)	**BẢNG: thử nghiệm nhiệt (làm việc bình thường)** ***TABLE: thermal test (normal operation)***		
Các bộ phận *Part*		T đo (°C) *measued T*	T qui định (°C) *specified T*
Vỏ của LED driver *Case of LED driver*		37	max 90
Cách điện của dây dẫn *Insulation of wiring*		33	max 90

(10.2.1)	**BẢNG: thử nghiệm điện trở cách điện** ***TABLE: insulation resistance test***		
Cách điện của các phần (MΩ) *Insulation of parts*		điện trở đo *measured R*	điện trở qui định *specified R*
Khác SELV *Other than SELV*			
Giữa các phần mang điện và phần kim loại của đèn *Between live parts and metal parts of luminaire*		lớn hơn 200 *more than*	min 2

(10.2.2)	**BẢNG: thử nghiệm độ bền điện** ***TABLE: electric strength test***		
Điện áp thử đặt giữa: *Test voltage applied between:*		điện áp thử (V) *test voltage*	đánh thủng (có/không) *break-down (yes/no)*
Khác SELV *Other than SELV*			
Các phần mang điện và các phần kim loại của đèn *Live parts and metal parts of luminaire*		1 500	không *no*

(10.3)	**BẢNG: đo dòng điện chạm, dòng điện trong dây dẫn bảo vệ và bỏng điện** ***TABLE: measurements of touch current, protective conductor current and electric burn***		
Loại đèn *Luminaire type*		dòng điện đo (mA) *measured current*	dòng điện qui định (mA) *specified current*
Cố định, cấp I *Fixed, class I*		0,12	max 3,5

Ghi chú / *Notice*:

Đạt / *Pass* : Kết quả thử thỏa mãn yêu cầu / *Test item does meet the requirement.*
Không đạt / *Fail* : Kết quả thử không thỏa mãn yêu cầu / *Test item does not meet the requirement.*
N/A : Không áp dụng cho mẫu thử / *Test case does not apply to the test object.*
(-) : Thông tin bổ sung, không yêu cầu nhận xét / *Additional information without verdict.*
(số / *number*) : Điều trong tiêu chuẩn / *Clause in* IEC 60598-1 : 2008.

Scanned with CamScanner